TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-PT
Ngày : 19 - 04 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Xuân Thành.
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thắm
Ông Tô Văn Thịnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Ninh Thị Thanh Phương – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Đặng Cao Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2018/TLPT - HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng G đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

****Người bị hại có kháng cáo:***

- Nguyễn Thị Hồng G; sinh năm 1984; nơi cư trú tại thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

**** Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị:***

- Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1980; tại xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở Ngách 19, ngõ 594, đường N, phố Đ, phường S, thành phố B, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay thôn B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Khắc Đ và bà Trịnh Thị T; vợ Nguyễn Thị Hồng G (đã ly hôn 2017); có 02 con ở với mẹ; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng G có quan hệ là vợ chồng đã ly hôn năm 2017, có 2 con chung. Tháng 10/2016 T, G thuê nhà của bà Hà Thị B, số nhà 402, phố P, phường N, thành phố B để làm cửa hàng kinh doanh ắc quy. Quá trình chung sống giữa chị G và T thường xảy ra mâu thuẫn do T nghi ngờ chị G có quan hệ bất chính với người khác.

Khoảng 17 giờ 30 ngày 01/4/2017 T đi giao hàng ở tỉnh Hòa Bình và điện thoại về nói với chị G là 1 đến 2 giờ sáng ngày hôm sau mới về. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, anh Bùi Anh T, sinh năm 1983 trú tại xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (anh họ chị G) gọi điện rủ G đi uống nước, chị G đồng ý; anh T đi ô tô đến cửa hàng đón chị G. Sau khi giao hàng xong T về nhà thấy cửa khóa, chị G không có ở nhà, T điện thoại cho chị G nhiều lần nhưng có lần chị G không nghe máy. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày chị G được anh T đưa về bằng xe ô tô, nghĩ chị G đi ngoại tình nên T theo sau vào nhà và hỏi "Đi đâu sao gọi điện thoại lại không nghe máy", chị G nói là "Đi có việc". Do bực tức T dùng tay phải tát một cái vào mồm và đấm một cái vào mặt chị G, rồi dùng tay phải dúi đầu chị G ngã về phía đống bình ắc quy hướng cửa ra vào. Sau đó T lấy chiếc điếu cày làm bằng tre dài khoảng 52 cm đường kính 5 cm đầu hút bọc bằng nhôm, để tại thùng giấy trên nền nhà cầm tay phải vụt vào vùng đầu bên phải một cái, vụt vào vai trái một cái. Chị G lấy tay để đỡ, T lại vụt vào mặt, dùng chân phải đạp vào hông chị G, làm chị G lao đầu về phía cửa ra vào và ngã vào đống hộp đựng bình ắc quy. Sau đó, T đi vào phía bên trong khoảng gần một phút thì chạy ra tiếp tục cầm điếu cầy vụt hai cái vào mông bên phải, vụt vào ống đồng bên chân trái, vụt vào đùi trái và một cái vào vai trái chị G rồi vất chiếc điếu cầy xuống nền nhà. Thấy mồm và mũi chị G có máu, T đã lấy giấy vệ sinh đưa cho chị G lau máu và dìu chị G vào giường nằm. Hậu quả, chị G bị rách môi trên, gẫy một răng cửa hàm trên, mẻ một răng tiếp giáp với răng bị gẫy, lung lay một răng cửa hàm trên và một răng cửa hàm dưới, mu bàn tay và mạng sườn bên phải bị đau.

Sau khi bị đánh chị G đã gọi điện cho anh Bùi Anh T, nhờ trình báo sự việc với công an phường S, thành phố B. Nhận được tin báo công an phường đã xuống hiện trường lập biên bản và thu giữ 01 chiếc điếu cày làm bằng tre, 01 mảnh tre bị vỡ từ điếu cày. Chị G được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện K, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình điều trị từ ngày 02/4/2017 đến ngày 07/4/2017 ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 028/2017/Th.T – TTPY ngày 02/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với chị G là 7,0% cụ thể: Sẹo vết thương số lượng ít, kích thước nhỏ "Tại điểm 1.I/chương 9 Thông tư 20/2014/TT- BYT ngày 12/6/2014/TTCT: 1,5% lấy 1,5 x 2 + 3,0%. Mẻ rằng 1.2 "Tại điểm 1/II/ chương 12 Thông 20/2014/TT-BYT ngày 12/06/2014 TTCT: lấy 50% giá trị của mất răng 1.2" lấy 0,75%. Tổng cộng 3 + 3 + 0,75 = 7,0%.

Quá trình điều trị vết thương chị G đã bị viêm quanh cuống răng (hai răng tổn thương do bị đánh R1.2 và 2.1) gây mủ đau nhức phải nhổ đi. Ngày 09/5/2017 chị G có đơn xin giám định bổ sung tỷ lệ tổn thương cơ thể. Ngày 15/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành trưng cầu giám định bổ sung thương tích đối với chị G.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 033/2017/Th.T –TTPY ngày 30/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với chị G là 12% cụ thể: Sẹo vết thương số lượng ít, kích thước nhỏ "Tại điểm 1.I/chương 9 Thông tư 20/2014/TT- BYT ngày 12/6/2014/TTCT: 1 - 3% lấy 3%; Mất răng 1.1; 1.2; 2.1 chưa lắp răng giả. "Tại điểm 2.1/II/ chương 12 Thông 20/2014/TT-BYT ngày 12/06/2014 TTCT: 1,5% lấy (1,5 x2) x 3 = 9,0%. Tổng cộng 3 + 9 = 12%.

Tỷ lệ tổn thương 12% nêu trên đã bao gồm 7,0 thương tích của Bản kết luận giám định số 028/2017/Th.T – TTPY ngày 02/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HS-ST ngày 25/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố Phạm Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584,585, 590, 357 Bộ luật dân sự.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm giữa bị cáo Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng G. Bị cáo Phạm Văn T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng G 10.749.000 đồng gồm tiền viện phí, tiền thuê xe cứu thương,

tiền ăn, tiền công người chăm sóc, tiền trồng răng giả, tiền ngày công bị mất của chị G.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng G khoản tiền bù đắp về tinh thần 26.000.000 đồng, khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 26.000.000 đồng, tổng cộng 52.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng và tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại.

Ngày 02/01/2018 và ngày 8/01/2018 chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt tù và không cho hưởng án treo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 52.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và phục hồi sức khỏe cho chị trong thời hạn 30 kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu người bị hại đã xác định không có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị Hồng G. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn T 24 (hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mười tám) tháng kể từ ngày 25/12/2017. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục, gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng G khoản tiền phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất tinh thần là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu) đồng, được trừ số tiền đã bồi thường 7.000.000 đồng còn phải bồi thường 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Hồng G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm tăng hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội với lý do trước lần phạm tội này bị cáo còn nhiều lần khác đánh đập chị và buộc bị cáo T phải trả cho chị số tiền 52.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và phục hồi sức khỏe trong thời hạn 30 kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để chị có tiền chi phí thuốc men phục hồi sức khỏe.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng G làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo xác định thương tích của chị Nguyễn Thị Hồng G là do bị cáo dùng tay, chân đánh, dùng điếu cầy vụt nhiều nhát vào vùng đầu bên phải, vai trái, mặt, hông, mông bên phải, chân trái vào đêm ngày 01/4/2017 làm chị G bị rách môi trên, gẫy một răng cửa hàm trên, mẻ một răng tiếp giáp với răng bị gẫy, lung lay một răng cửa hàm trên và một răng cửa hàm dưới, mu bàn tay và mạng sườn bên phải bị đau. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết quả giám định pháp y về thương tích của chị Nguyễn Thị Hồng G, vật chứng thu giữ. Có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Văn T dùng Điếu cầy là hung khí nguy hiểm và chân, tay đánh nhiều nhát vào người chị Nguyễn Thị Hồng G gây thương tích làm chị G giảm 12% sức khỏe đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại khoản 2 Điều 104 bộ luật hình sự năm 1999 như bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng G đề nghị tăng mức hình phạt tù không cho bị cáo T hưởng án treo và yêu cầu bị cáo T phải bồi thường là 52.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần và phục hồi sức khỏe cho chị trong thời hạn 30 kể từ ngày tuyên án phúc thẩm với các lý do như đã nêu trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Vụ án sảy ra trong nội bộ gia đình khi chị Nguyễn Thị Hồng G và bị cáo Phạm Văn T còn là vợ chồng, nguyên nhân xuất phát từ việc bị cáo T nghi chị G có quan hệ ngoại tình, nhưng hai vợ chồng không trao đổi tìm cách giải quyết từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng âm ỷ và ngày càng căng thẳng. Đêm ngày 01/4/2017 bị cáo T đi làm về không thấy chị G ở nhà, điện thoại không nghe máy, đến đêm khuya thấy chị G được một người đàn ông chở bằng ô tô đưa về, do gen tuông bị cáo T đã có hành vi phạm tội gây thương tích cho chị G. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, ăn

năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, lần đầu phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, thương tích gây ra cho người bị hại 12% là mức thấp của khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 và khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án là phù hợp pháp luật, đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo T đã tự nguyện bồi thường tiếp cho chị G 7.000.000 (Bẩy triệu) đồng đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Các lý do chị G đưa ra để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tăng mức hình phạt tù không cho bị cáo T hưởng án treo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Bị cáo Phạm Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội đang là chồng của chị Nguyễn Thị Hồng G đăng ký hộ khẩu thường trú thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; do làm ăn buôn bán tại thành phố B nên bị cáo T và chị G thuê nhà và đăng ký tạm trú tại Ngách 19, ngõ 594, đường N, phố Đ, phường S, thành phố B, tỉnh Ninh Bình. Ngày 18/9/2017 bị cáo T và chị G ly hôn. Tài liệu do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình điều tra xác minh bổ sung xác định ngày 06/11/2017 bị cáo Phạm Văn T đã làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu thường trú từ thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình và ngày 09/11/2017 nhập khẩu về nơi sinh quán là thôn B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh để làm ăn sinh sống; việc cắt nhập khẩu được thực hiện trước khi xét xử sơ thẩm; vì vậy trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo phải giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh quản lý và giáo dục mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng G đề nghị tòa phúc thẩm buộc bị cáo T phải trả cho chị số tiền 52.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày sau khi xét xử phúc thẩm. Về phần trách nhiệm dân sự của vụ án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ phải thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự, vì vậy không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm. Đối với số tiền ngày 17/4/2018 bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho chị G 7.000.000 (Bẩy triệu) đồng cần ghi nhận để khấu trừ vào phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo T trong giai đoạn thi hành án.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng G không có căn cứ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 158/2017/HSST ngày 25/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

[4] Chị Nguyễn Thị Hồng G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng G, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HS-ST ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Ninh Bình về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn T.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 24 (hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/12/2017. Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng G khoản tiền phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất tinh thần là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu) đồng.

Ghi nhận việc bị cáo Phạm Văn T tự nguyện bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng G số tiền đã bồi thường 7.000.000 (Bẩy triệu) đồng theo giấy biên nhận tiền ngày 17/4/2018.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng G có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, thì hàng tháng bị cáo Phạm Văn T còn phải chịu khỏan tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hồng G không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/4/2018./

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao (01bản).
- KTGĐ (02bản)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03bản)
- Phòng HSNV – Công an Ninh Bình (01bản)
- Tòa nhân dân TPNB (03 bản)
- VKSND nhân dân TPNB (01bản)
- Chi cục THA nhân dân TPNB (01bản)
- Công an nhân dân TPNB (01bản)
- Người bị hại (01 bản)
- Bị cáo (01bản)
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (01 bản)
- Lưu phòng HCTP (01bản)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký
Mai Xuân Thành